TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/2017/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 08 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Lê Văn M, sinh năm 1964

Trú tại: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Huỳnh Thị L, sinh năm 1966

Trú tại: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* NH

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T – Giám đốc NH. Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông N – PGĐ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 90, 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn M và bà Huỳnh Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Ông Lê Văn M và bà Huỳnh Thị L có 02 con chung tên Lê Thương L, sinh năm 1986 và Lê Thị Lệ M, sinh năm 1996 đã trưởng thành, có khả

năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Công nhận cho ông Lê Văn M được sử dụng phần đất có diện tích 2.331,9 m^2 loại đất CLN và cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 93 (thửa 93A), tờ bản đồ số 10, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

Phía Bắc giáp thửa 74 dài 5,32 m + 31,59 m.

Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 93 (thửa 93B) dài 60,51 m.

Phía Tây Nam giáp thửa 200 dài 33,80 m + 2,33 m + 32,32 m.

Phía Tây Bắc giáp rạch dài 9,13 m + 3,43 m + 4,49 m + 5,09 m + 5,33 m + 9,73m + 4,87m.

+ Công nhận cho bà Huỳnh Thị L được sử dụng phần đất có diện tích 3.332 m^2, trong đó có 3.032 m^2 đất loại CLN và 300 m^2 loại đất ONT, trên đất có nhà, chuồng heo, cây trồng tọa lạc tại một phần thửa 93 (thửa 93B), tờ bản đồ số 10, ấp ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

Phía Bắc giáp thửa 74 dài 54,17 m.

Phía Đông giáp các thửa 92, 106, 124 dài 10,09 m + 37,20 m + 7,27 m + 20,80m.

Phía Tây Nam giáp các thửa 200, 201 dài 30,32 m + 10,25 m.

Phía Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa 93 (thửa 93B) dài 60,51m.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Bà Huỳnh Thị L, anh Lê Cương L và chị Lê Thị Lệ M giữ nguyên hiện trạng đất.

- Về nợ chung:

+ Ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho NH số tiền 75.000.000 đồng và lãi đến ngày 27/6/2017 là 2.559.375 đồng.

Trường hợp ông Lê Văn Mi không tự nguyện thi hành số tiền trên thì NH có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 93A, tờ bản đồ 10, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho NH số tiền 125.000.000 đồng và lãi đến ngày 27/6/2017 là 4.265.625 đồng.

Trường hợp bà Huỳnh Thị L không tự nguyện thi hành số tiền trên thì NH có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp

là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 93B, tờ bản đồ 10, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Thời hạn hoàn trả khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/6/2017, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc đến hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Bà Huỳnh Thị L tiếp tục trả cho bà Đỗ Thị X 15.000.000 đồng theo bản án số 78/2007/DSST ngày 23/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày.

- Về án phí:

+ Án phí thuận tình ly hôn: Ông Lê Văn M tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008268 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông M được nhận lại 150.000 đồng.

+ Án phí dân sự có giá ngạch:

Ông Lê Văn M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.206.000 đồng nhưng được trừ vào 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008267 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông Mai phải nộp thêm 206.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 5.969.000 đồng.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho NH là 5.171.000 đồng tại biên lai thu số 0008589 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện M.

- Chi phí đo đạc, định giá tài sản là 1.934.000 đồng, ông Lê Văn M và bà Huỳnh Thị L mỗi người tự nguyện chịu 967.000 đồng. Ông M đã nộp tạm ứng chi phí nên buộc bà L hoàn trả cho ông M chi phí đo đạc, định giá mà bà đã tự nguyện chịu là 967.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- UBND xã Thạnh Ngãi;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Hồng Thúy

-